

Bản án số 14/2020/DS-ST

Ngày 25-3-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Xóm 10 Tân Tiến, xã M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Chị Đặng Thu A, sinh năm 1975. Địa chỉ: Xóm 9, xã M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đặng Thu A: Bà Phạm Thị Ninh- Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Minh Đức- Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định. Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng: Anh Đinh Văn H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm 9, xã M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, chị T, bà Ninh có mặt; chị A, anh H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-10-2019, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Do em gái chồng chị T kết hôn với anh chồng chị A nên hai bên gia đình có quen biết, qua lại với nhau. Gia đình chị A làm nghề kinh doanh đồ gỗ, những năm trước đã nhiều lần vay tiền của chị T nhưng đều trả gốc, lãi đầy đủ nên chị T rất tin tưởng. Ngày 04-5-2018, chị A vay của chị T 600.000.000đ, ngày 27-6-2018 vay thêm 350.000.000đ, tổng cộng 950.000.000đ. Cả hai lần vay, chị A là người đến nhà chị T nhận tiền, ký biên nhận giao chị T giữ; ngày tháng ghi trong biên nhận đều tính theo dương lịch. Trong giấy biên nhận có ghi người vay, người cho vay, số tiền vay, ngày tháng vay nhưng không ghi thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay... Tuy nhiên, khi nhận tiền, chị A và chị T có thỏa thuận miệng: Lãi suất cả hai lần vay là 2,4%/tháng, khi nào chị T cần tiền để kinh doanh thì chị A có trách nhiệm trả. Chị A đã trả lãi của hai khoản vay theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận đến hết tháng 11/2018 (dương lịch). Cũng vào ngày trả lãi cuối tháng 11/2018 (dương lịch), chị A đã trả cho chị T số tiền vay gốc 200.000.000đ nên số tiền vay gốc còn lại là 750.000.000đ. Từ đầu tháng 12/2018 dương lịch đến nay, chị A không trả gốc và lãi cho chị T. Anh H là chồng chị A lấy lý do một mình chị A đi vay, ký nhận, sử dụng mục đích riêng để chối bỏ trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án buộc chị A phải trả cho chị T khoản vay gốc còn lại là 750.000.000đ và lãi theo mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định kể từ tháng 12/2018 dương lịch cho đến khi trả hết nợ gốc; không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ lãi trong thời gian chậm trả.

Tại bản tự khai ngày 14-01-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Đặng Thu A trình bày:

Là người cùng xã, có mối quan hệ liên quan đến gia đình nên chị A biết chị T là người kinh doanh tiền. Năm 2018, vì giúp cháu ruột là Đinh Thị Hằng và Hoàng Văn Sơn có vốn làm ăn nên chị A đã đến vay tiền của chị T 02 lần với số tiền vay như chị T đã trình bày. Khi vay tiền, chị A không nói với chị T vay tiền giúp cháu ruột nên chị T có thể không biết. Mặc dù giấy biên nhận không ghi, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay nhưng có thỏa thuận lãi suất là 2.4%/tháng. Chị A đã trả được 200.000.000đ tiền vay gốc vào cuối tháng 11/2018 dương lịch và cũng trả lãi đến hết thời điểm này. Năm 2019, do anh Sơn, chị Hằng không gửi tiền trả gốc và lãi nên chị A không có tiền trả cho chị T. Nay chị T khởi kiện, chị A xác định: Do tiền lãi chị A đã trả vượt quá mức lãi suất mà pháp luật có quy định, khi trả lãi các

bên đều không viết biên nhận nên không nhớ chính xác số tiền lãi đã trả tổng cộng là bao nhiêu. Chị A đề nghị Tòa án tính lại lãi suất theo quy định pháp luật, phần lãi vượt quá đề nghị trừ vào số tiền vay gốc. Việc chị A vay tiền, trả lãi giúp cháu anh H là chồng không biết; nay các cháu làm ăn thua lỗ mất khả năng thanh toán nên chị A nhận có trách nhiệm trả số nợ gốc còn lại nhưng xin được khất trả dần và đề nghị chị T không tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 14-01-2020, người làm chứng anh Đinh Văn H trình bày: Anh H chưa lần nào vay tiền của chị T. Việc chị A vay tiền của chị T không sử dụng kinh doanh mà vay giúp cháu ruột là vợ chồng anh Sơn, chị Hằng; khi vay không bàn bạc nên anh H không biết, không ký nhận. Cuối năm 2018, vợ chồng anh Sơn, chị Hằng vỡ nợ, anh H mới biết chị A vay tiền của chị T và một số người khác. Nay chị T khởi kiện, anh H không nhất trí trả nợ vì chị A vay tiền với tư cách cá nhân, vay giúp người khác, không dùng vào mục đích chi tiêu, phát triển kinh tế gia đình nên anh H không chịu trách nhiệm. Chị A vay của chị T thì bản thân chị A phải có trách nhiệm trả. Vì không liên quan đến khoản vay nợ này nên anh H sẽ không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, chị T giữ quan điểm như đã trình bày; chị A, anh H vắng mặt lần 2 không lý do. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc chị A giấu anh H vay tiền của chị T giúp cháu ruột là sự việc có thật. Từ cuối năm 2018, cháu của chị A mất khả năng thanh toán nên chị A chưa có tiền để trả khoản nợ gốc 750.000.000đ cho chị T. Về tiền lãi, từ khi vay đến hết tháng 11/2018 dương lịch, chị A đã trả lãi cho chị T mức lãi suất 2,4%/tháng, cao hơn mức mà pháp luật quy định nên đề nghị Tòa án tính lại lãi suất, trừ phần vượt quá đã trả vào khoản nợ gốc còn lại đảm bảo quyền lợi cho chị A. Ngoài chị T, chị A còn vay giúp vốn của nhiều người khác cho anh Sơn, chị Hằng mà chưa thu hồi được nên chị A đề nghị chị T không tính lãi và xin được trả nợ dần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, thu thập chứng cứ tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, xem xét tính hợp pháp của toàn bộ hồ sơ và các Hợp đồng vay tài sản giữa chị Nguyễn Thị T, chị Đặng Thu A. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị T; đề nghị tính lại lãi suất theo quy định pháp luật, phần lãi vượt quá chị A đã trả chị T sẽ được trừ vào khoản vay gốc còn lại. Sau khi trừ lãi vượt quá, buộc chị A phải trả cho chị T khoản vay gốc còn lại

và tiền lãi trên nợ gốc từ tháng 12/2018 dương lịch đến khi trả hết nợ gốc theo quy định pháp luật; không tính lãi đối với khoản nợ lãi trong thời gian chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự nhưng bị đơn chị Đặng Thu A vẫn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị A là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ lời khai của các đương sự; giấy biên nhận gốc ghi ngày 04/5/2018 và ngày 27/6/2018 (dương lịch) do chị A viết, có chữ ký của chị A được chị A thừa nhận có đủ cơ sở kết luận việc chị A vay tài sản của chị T 2 lần tổng cộng 950.000.000đ, đã trả 200.000.000đ vào cuối tháng 11/2018 còn lại 750.000.000đ là sự việc có thật. Quá trình xác lập, thực hiện giao dịch, các bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán, thỏa thuận và đã thực hiện một phần lãi suất theo thỏa thuận nên giao dịch dân sự giữa chị T và chị A được xác định là hợp đồng vay tài sản không thời hạn, có lãi. Do hợp đồng không xác định thời hạn nên khi cần thiết, chị T có quyền yêu cầu chị A phải trả khoản nợ gốc và lãi chưa trả là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự.

[3] *Về lãi suất*: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và chị A đều thừa nhận, lãi suất cả hai lần vay theo thỏa thuận là 2,4%/tháng, chị A đã trả lãi cho chị T từ khi vay đến hết tháng 11/2018 dương lịch và đề nghị được tính lại theo quy định pháp luật. Do mức lãi suất các đương sự thỏa thuận cao hơn mức mà pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên không được Tòa án chấp nhận. Xét đề nghị tính chênh lệch về lãi của các đương sự là cần thiết, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự, phù hợp quy định pháp luật hiện hành nên cần chấp nhận và được tính cụ thể như sau:

- Ngày 04/5/2018 dương lịch, chị A vay chị T 600.000.000đ. Số tiền lãi đã trả theo thỏa thuận đến hết tháng 11/2018 dương lịch (6 tháng 27 ngày) là 99.360.000đ. Số tiền lãi phải trả theo quy định pháp luật tính đến hết tháng 11/2018 dương lịch là 69.000.000đ. Phần chênh lệch về lãi là 30.360.000đ.

- Ngày 27/6/2018 dương lịch, chị A vay chị T 350.000.000đ. Số tiền lãi đã trả theo thỏa thuận đến hết tháng 11/2018 dương lịch (5 tháng 4 ngày) là 43.120.000đ. Số tiền lãi phải trả theo quy định pháp luật tính đến hết tháng 11/2018 dương lịch là 29.944.000đ. Phần chênh lệch về lãi là 13.176.000đ.

Tổng cộng phần chênh lệch về lãi là 43.931.000đ; số tiền này được trừ vào khoản vay gốc 750.000.000đ; sau khi trừ, số tiền vay gốc chị A còn phải trả cho chị T là 706.464.000đ.

[4] *Về nghĩa vụ trả nợ:*

*Về khoản tiền gốc: Quá trình giải quyết vụ án, chị A thừa nhận nợ nhưng vì khó khăn nên xin được khất trả nợ dần cho chị T. Xét thấy, khi xác lập giao dịch, các bên không thỏa thuận về việc trả nợ làm nhiều lần; tại phiên tòa chị T không chấp nhận đề nghị của chị A nên yêu cầu của bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc trả nợ làm nhiều đợt là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần buộc chị A phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền vay gốc còn lại là 706.464.000đ cho chị T là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

*Về khoản tiền lãi: Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....*”. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T vẫn yêu cầu chị A phải trả lãi đối với khoản vay gốc còn lại. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù khi xác lập giao dịch, chị T và chị A có thỏa thuận lãi suất vay là 2,4%/tháng (tương đương 28,8%/năm), vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định nên xét cần buộc chị A phải trả lãi cho chị T theo mức lãi suất 20%/năm của khoản vay gốc còn lại là 706.464.000đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Thời gian tính lãi được xác định từ ngày 01/12/2018 dương lịch đến ngày xét xử là 15 tháng 25 ngày và bằng 186.428.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, do chị T không yêu cầu tính lãi quá hạn đối với phần nợ lãi chưa trả nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Từ những căn cứ, nhận định ở trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T; buộc chị Đặng Thu A phải trả cho chị T số tiền vay gốc còn lại là 706.464.000đ và tiền lãi là 186.428.000đ, tổng cộng 892.892.000đ.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị T kiện đòi nợ đối với chị Đặng Thu A là hợp pháp.

2. Buộc chị Đặng Thị A phải thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị T 706.464.000đ (bảy trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu tư nghìn đồng) tiền vay gốc và 186.428.000đ (một trăm tám sáu triệu, bốn trăm hai tám nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng 892.892.000đ (tám trăm chín hai triệu, tám trăm chín hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Đặng Thu A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc chị Đặng Thu A phải nộp 38.787.000đ (ba tám triệu, bảy trăm tám bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 8.500.000đ (tám triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001907 ngày 12-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Hòe